

**Biểu số 2: BÁO CÁO MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH KINH DOANH  
NĂM 2026**

**CÔNG TY TNHH MTV  
LÂM NGHIỆP IAPA**

5900187825

Số: 54/BC-CTLN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Kông Chro, ngày 23 tháng 3 năm 2026*

**I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH 2026:**

**1. Mục tiêu tổng quát:**

- Tổng doanh thu:	12.348,86 triệu đồng
- Chi phí:	12.098,86 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế (lãi):	250,00 triệu đồng
- Nộp ngân sách nhà nước:	81,50 triệu đồng

**2. Nhiệm vụ kế hoạch:**

**a. Về tài chính:**

Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: Sử dụng có hiệu quả nguồn thu từ cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích, dịch vụ môi trường rừng, đặc biệt chú trọng vào công tác phát triển rừng; huy động các nguồn lực về vốn từ các dự án để lồng ghép kế hoạch đầu tư trồng rừng hàng năm của đơn vị.

**b. Về sản xuất và quản lý bảo vệ rừng:**

- Hoạt động sản xuất trồng rừng: Công ty sử dụng vốn điều lệ để trồng rừng và hợp tác với CBCNV để trồng rừng sản xuất.

- Hoạt động quản lý bảo vệ rừng: Công ty xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng trạm bảo vệ rừng về: phạm vi bảo vệ, đối tượng, nội dung bảo vệ và nội dung, quy chế kiểm tra; kế hoạch, nội dung, phương pháp phối hợp với các ngành chức năng, các thôn, làng, xã trong vùng về công tác bảo vệ rừng; kế hoạch phòng và phương án chữa cháy rừng, đặc biệt là trong mùa hanh khô; thường xuyên tiến hành tuần tra, kiểm tra rừng nhằm ngăn chặn kịp thời các hành vi đang hoặc chuẩn bị xâm hại đến rừng.

**c. Về nguồn nhân lực:**

Công ty làm nhiệm vụ quản lý tất cả các hoạt động theo kế hoạch đề ra để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng; phối hợp với chính quyền địa phương, kiểm lâm địa bàn cùng triển khai thực hiện; ký kết hợp đồng cá nhân, tổ chức tham gia trồng rừng, chăm sóc rừng trồng theo phương án được duyệt.

**d. Về công nghệ - kỹ thuật:**

Công ty tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng và năng suất lao động.

**e. Về quản lý và điều hành:**

Kiện toàn bộ máy quản lý công ty, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân phụ trách; xây dựng và ban hành các quy trình cụ thể để thực hiện tốt trong công tác tổ chức giám sát nội bộ.

## II. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026:

### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

a. Tổng diện tích đơn vị được giao và cho thuê:

13.934,55 ha

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh cả năm:

### BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chính:		
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích:		
-	<b>Tổng diện tích đơn vị được giao và cho thuê, trong đó:</b>	ha	<b>13.934,55</b>
+	Diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng	ha	8.189,31
+	Diện tích sản phẩm dịch vụ công ích	ha	8.189,31
+	Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng	m <sup>3</sup>	8.224,65
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	12,349
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,250
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,207
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	0,081
7	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	4,321
8	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	Tỷ đồng	
9	Các chỉ tiêu khác		

### 2. Kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp:

+ Chăm sóc rừng tái sinh chồi sau khai thác 87,69 ha; Chăm sóc rừng trồng 4,51 ha; Quản lý bảo vệ rừng trồng tái sinh chồi 91,2 ha.

+ Đầu tư xây dựng cơ bản: Xây dựng trụ sở Công ty và 01 trạm QLBR

+ Mua sắm bộ máy tính, máy in công ty

Tổng giá trị đầu tư phát triển năm 2026: 4.321,47 triệu đồng.

#### Nơi nhận:

- Đăng tải trên Business.gov.vn;
- Đăng tải trên website;
- Lưu VT



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Sự

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2026

#### CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP IA PA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14 tháng 06 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ quy định một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018, Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2021/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2024 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn quy định một số nội dung về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao 134.086.503,8 m<sup>2</sup> đất cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa để sử dụng vào mục đích quản lý, bảo vệ rừng tại các xã: xã Chư Krey, Đăk Pơ Pho, Chơ Glong và xã Yang Nam, huyện Kông Chro;

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa thuê 5.258.877,0 m<sup>2</sup> đất để sử dụng vào mục đích Trụ sở làm việc và sản xuất, kinh doanh rừng trồng sản xuất tại các xã: Chư Krey, Chơ Glong, An Trung, Yang Nam và thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2022-2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa;

Căn cứ Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 05/02/2025 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa;

Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2026;

Căn cứ Công văn số 2888/UBND-KTTH ngày 13/3/2026 của UBND tỉnh Gia Lai v/v giao chỉ tiêu định hướng năm 2026 đối với 12 Công ty lâm nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trên địa bàn tỉnh.

Xét đề nghị của phòng nghiệp vụ Tài chính hành chính tổ chức,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2026 của Công ty như sau:

### **1. Mục tiêu, nhiệm vụ**

Mục tiêu kế hoạch: Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo phương án quản lý rừng bền vững, thực hiện có hiệu quả các dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ; bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh để tương xứng với tiềm năng, lợi thế hiện có; cải thiện và nâng cao đời sống vật chất cho người lao động; góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Nhiệm vụ kế hoạch: Bảo vệ tốt và sử dụng có hiệu quả 13.934,55 ha đất và rừng thuộc đơn vị quản lý (Trong đó diện tích bảo vệ rừng tự nhiên là 8.189,31 ha thực hiện nhiệm vụ công ích); Chăm sóc rừng tái sinh chồi sau khai thác 87,69 ha; Chăm sóc rừng trồng 4,51 ha; Quản lý bảo vệ rừng trồng tái sinh chồi 91,2 ha.

### **2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:**

- Diện tích đất được giao và cho thuê: 13.934,55 ha.
- Các chỉ tiêu về sản phẩm chủ yếu:
  - + Diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng: 8.189,31 ha.
  - + Diện tích cung cấp dịch vụ công ích: 8.189,31 ha.
  - + Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng: 8.224,65 m<sup>3</sup>
- Các chỉ tiêu về tài chính:
  - + Doanh thu: 12.348,86 triệu đồng
  - + Lợi nhuận trước thuế: 250,00 triệu đồng.
  - + Lợi nhuận sau thuế: 207,50 triệu đồng.
  - + Nộp ngân sách nhà nước: 81,50 triệu đồng.
- Kế hoạch sử dụng lao động: 22 người/năm.

### **3. Kế hoạch đầu tư phát triển:**

- Đầu tư xây dựng cơ bản (Xây nhà làm việc cơ quan, xây dựng 01 trạm QL BVR): 2.320,00 triệu đồng.
- Đầu tư mua sắm 01 bộ máy tính xách tay, máy in với số tiền 38,00 triệu đồng.
- Đầu tư lâm sinh: 1.963,47 triệu đồng.
- + Công ty đầu tư chăm sóc rừng với diện tích: 92,2 ha, tổng số vốn đầu tư: 1.940,57 triệu đồng, trong đó:

- + Chăm sóc năm 1 rừng trồng sau khai thác với diện tích 87,69 ha, với số vốn đầu tư: 1.931,126 triệu đồng.
- + Chăm sóc rừng trồng sản xuất năm thứ 3 với diện tích 4,51 ha, tổng số vốn đầu tư là: 9,45 triệu đồng.
- + Quản lý bảo vệ rừng trồng tái sinh chồi năm thứ 3 (91,2 ha): 22,89 triệu đồng.

#### **4. Giải pháp thực hiện**

Thực hiện đúng quy chế quản lý tài chính tại Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa và các văn bản pháp luật khác.

Nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức quản lý cho người quản lý, người lao động Công ty.

Rà soát xây dựng, sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế quản lý nội bộ.

Theo dõi tình hình sinh trưởng và phát triển của cây trồng và thực hiện các biện pháp chăm sóc cây trồng một cách kịp thời.

Quản lý, bảo vệ, phát triển rừng theo phương án quản lý rừng bền vững đã được phê duyệt tại Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 05/02/2025 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa.

Thường xuyên tiến hành tuần tra, kiểm tra rừng, nhằm ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại đến rừng; thực hiện chế độ ghi chép cập nhật thông tin, tổng hợp báo cáo định kỳ.

Xây dựng kế hoạch, phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, đặc biệt trong mùa hanh khô, mùa người dân đốt nương làm rẫy, tuần tra quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn; doanh thu từ cung ứng dịch vụ môi trường rừng, cung ứng dịch vụ công bảo vệ rừng tự nhiên và các nguồn kinh phí khác đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng các quy định hiện hành; trong đó ưu tiên cho các hoạt động quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và các khoản chi cho người lao động.

Ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh, vào việc quản lý và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đất lâm nghiệp; lưu trữ tài liệu, trao đổi thông tin và quản lý rừng bền vững,...

#### **Điều 2.**

1. Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty quyết định việc ban hành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế

hoạch đã phê duyệt theo đúng quy định và định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu để quản lý, giám sát.

2. Giao các phòng ban chuyên môn và toàn thể người quản lý, kiểm soát viên, người lao động của Công ty có trách nhiệm thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt một cách hiệu quả và tiết kiệm nhất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc, Kiểm soát viên Công ty và toàn thể các phòng ban chuyên môn, người lao động cùng các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh Gia Lai (B/c);
- Sở Tài chính, Sở NN&MT tỉnh (B/c);
- Lưu VT.



**Nguyễn Minh Sự**



Gia Lai, ngày 02 tháng 03 năm 2026

**KẾ HOẠCH**  
**Sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2026**

**CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14 tháng 06 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ quy định một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018, Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2021/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2024 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn quy định một số nội dung về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao 134.086.503,8 m<sup>2</sup> đất cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa để sử dụng vào mục đích quản lý, bảo vệ rừng tại các xã: xã Chư Krey, Đăk Pơ Pho, Chơ Glong và xã Yang Nam, huyện Kông Chro;

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa thuê 5.258.877,0 m<sup>2</sup> đất để sử dụng vào mục đích Trụ sở làm việc và sản xuất, kinh doanh rừng trồng sản xuất tại các xã: Chư Krey, Chơ Glong, An Trung, Yang Nam và thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2022-2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa;

Căn cứ Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 05/02/2025 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa;

Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2026;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển năm 2025 của công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa.

## **I - Kết quả thực hiện năm 2025**

### **1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2025**

Căn cứ Quyết định số 2559/QĐ-UBND, ngày 11/11/2025 của UBND tỉnh Gia Lai, về phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển; giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp năm 2025 đối với 11 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Theo đó các chỉ tiêu Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa thực hiện năm 2025 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	TH/KH (100%)
A	TỔNG DIỆN TÍCH ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO VÀ CHO THUÊ	Ha	13.934,55	13.934,55	100,00
B	CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN PHẨM CHỦ YẾU				
I	Cung ứng dịch vụ môi trường rừng	ha/năm	8.194,3	8.189,31	99,94
II	Diện tích bảo vệ rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng	ha/năm	8.194,4	8.189,31	99,94
III	Khai thác gỗ rừng trồng	M3	0	529,83	0
C	CÁC CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH				
I	Vốn chủ sở hữu	tr.đ	9.314,70	9.314,70	100,00
II	Kế hoạch sản xuất kinh doanh				
1	Tổng doanh thu	tr.đ	5.751,81	3.261,63	56,71
-	Doanh thu SXKD và cung ứng DV	tr.đ	5.716,81	3.160,00	55,28
+	<i>Doanh thu cung ứng DVMTR</i>	<i>tr.đ</i>	<i>800,17</i>	<i>1.669,04</i>	<i>208,58</i>
+	<i>Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích</i>	<i>tr.đ</i>	<i>4.916,64</i>	<i>1.236,65</i>	<i>25,15</i>
-	Doanh thu hoạt động tài chính	tr.đ	35,00	96,03	274,36
-	Thu nhập khác	tr.đ	-	5,6	
2	Tổng chi phí	tr.đ	5.621,05	3.241,11	57,66
-	Chi phí giá vốn	tr.đ	3.721,05	2.468,19	66,33
+	<i>Giá vốn dịch vụ môi trường rừng</i>	<i>tr.đ</i>	<i>750,80</i>	<i>590,66</i>	<i>78,67</i>
+	<i>Giá vốn dịch vụ công ích</i>	<i>tr.đ</i>	<i>2.970,25</i>	<i>1.729,06</i>	<i>58,21</i>
+	<i>Giá vốn gỗ rừng trồng</i>	<i>tr.đ</i>	<i>-</i>	<i>148,47</i>	<i>-</i>
-	Chi phí quản lý doanh nghiệp	tr.đ	1.900,00	772,92	40,68
-	Chi phí khác	tr.đ	-	-	-
3	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	130,76	20,52	15,69
4	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	104,61	17,03	16,28
III	Nộp ngân sách nhà nước	tr.đ	61,90	124,45	201,05
1	Thuế môn bài	tr.đ	2,00	2,00	100,00
2	Thuế GTGT	tr.đ	-	98,93	
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	tr.đ	26,15	3,49	13,34
4	Thuế thu nhập cá nhân	tr.đ	-	2,39	-
5	Tiền thuê đất	tr.đ	32,57	16,46	50,54

6	Các khoản phải nộp ngân sách khác nếu có	tr.đ	1,18	1,18	100,00
7	Lợi nhuận còn lại nộp NSNN	tr.đ	0	0	
D	<b>KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG</b>				
1	Người quản lý	ng/năm	4	3	75,00
2	Người lao động	ng/năm	17	16	94,12

## **2. Đánh giá cụ thể các chỉ tiêu thực hiện năm 2025**

### **2.1. Diện tích đất rừng được giao quản lý bảo vệ:**

Thực hiện Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 05/02/2025 của UBND tỉnh Gia Lai Quyết định phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa.

#### **\*Hiện trạng tài nguyên rừng và đất đai:**

Tổng diện tích: 13.934,54 ha. Bao gồm:

- Đất rừng sản xuất : 13.824,22 ha; trong đó:
  - + Đất có rừng tự nhiên : 8.194,39 ha.
  - + Đất có rừng trồng : 222,03 ha.
  - + Đất đã trồng rừng nhưng chưa thành rừng (DTR): 279,87 ha.
  - + Đất có cây gỗ tái sinh (DT2) : 260,47 ha.
  - + Đất chưa có rừng (DT1) : 2.589,21 ha.
  - + Đất sản xuất nông nghiệp (NN) : 2.278,01 ha.
  - + Trạm bảo vệ rừng (DKH) : 0,24 ha.
- Đất ngoài quy hoạch 3 loại rừng : 110,32 ha; trong đó:
  - + Đất có rừng trồng : 13,62 ha.
  - + Đất đã trồng rừng nhưng chưa thành rừng (DTR): 0,11 ha.
  - + Đất có cây gỗ tái sinh (DT2) : 4,55 ha.
  - + Đất chưa có rừng (DT1) : 10,39 ha.
  - + Đất sản xuất nông nghiệp (NN) : 8,95 ha.
  - + Đất sông suối (MN) : 11,50 ha.
  - + Đất khác (DKH) : 61,20 ha.

### **2.2. Tổng doanh thu:**

Doanh thu năm 2025 là 3.261,63 triệu đồng, giảm 2.490,18 triệu đồng, tương ứng 56,71% so với kế hoạch được giao (3.261,63 triệu đồng/5.751,81 triệu đồng). Trong đó:

- Doanh thu dịch vụ môi trường rừng 1.669,04 triệu đồng, tăng 868,87 triệu đồng, tương ứng tăng 108,58 % so với kế hoạch (1.669,04 triệu đồng/868,87 triệu đồng).

Trong năm 2025 số đơn vị ghi nhận số tiền DVMTR là: 1.669,04 triệu đồng (Bao gồm: Kinh phí năm 2020-2022 với số tiền 498,10 triệu đồng và năm năm 2024 là: 14,14 triệu đồng, ghi nhận theo Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 16/05/2025 của UBND tỉnh Gia Lai và Thông báo số 30/TB-QBVPTR ngày 22/05/2025 của Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Gia Lai; Kinh phí năm 2025 số tiền là: 1.156,80 triệu đồng công ty ghi nhận theo công văn số 03/QBVPTR-KHKT ngày 05/01/2026 của Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Gia Lai).

- Doanh thu cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích: 1.236,65 triệu đồng, so với kế hoạch giảm 3.679,99 triệu đồng so với kế hoạch, tương ứng giảm 74,85% (Theo Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng số 1.907/BBTLHĐ-SNNMT ngày 07/09/2025).

- Doanh thu bán gỗ rừng trồng: 254,32 triệu đồng. Tăng 254,32 triệu đồng là do bão số 13 ( bão Kalmaegi) gây ra làm cây bị đổ ngã nên người hợp tác xin khai thác sớm.

- Doanh thu tài chính là 96,03 triệu đồng, tăng 61,03 triệu đồng, tương ứng tăng 174,36% so với kế hoạch.

- Thu nhập khác: 5,6 triệu đồng, tăng 5,6 triệu đồng là khoản tiền thưởng của người quản lý doanh nghiệp năm 2020.

### **2.3. Tổng chi phí:**

Chi phí thực hiện năm 2025 là 3.241,11 triệu đồng, giảm 2.379,94 triệu đồng, tương ứng 57,66 % so với kế hoạch 3.241,11 triệu đồng/5.621,05 triệu đồng.

Trong đó:

- Giá vốn DVMTR 590,66 triệu đồng, so với kế hoạch giảm 160,14 triệu đồng, tương ứng giảm 21,33 % so với kế hoạch.

- Giá vốn cung ứng dịch vụ công ích: 1.729,06 triệu đồng, giảm với kế hoạch 1.241,19 triệu đồng tương ứng giảm 41,79 % so với kế hoạch.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp 772,92 triệu đồng, giảm 1.127,08 triệu đồng, tương ứng giảm 59,32 % so với kế hoạch.

**2.4. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025: 20,52 triệu đồng, giảm 110,24 triệu đồng**

**2.5. Tổng số tiền nộp ngân sách: 124,45 triệu đồng tăng 62,55 triệu đồng tương ứng tăng 101,05 % so với kế hoạch.**

### **2.6. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025**

- Triển khai kế hoạch trồng rừng sản xuất, chăm sóc rừng đã thực hiện với tổng kinh phí trong năm 2025 là: 56,20 triệu đồng/214,44 triệu đồng đạt 26,21 % kế hoạch.  
Cụ thể:

Trồng rừng mới công ty năm 2025 (23,47 ha): 0 Tr.đ (Diện tích này chưa thực hiện được là do sai lệch hiện trạng, vị trí so với cấp đất)

Chăm sóc năm 2 rừng trồng năm 2024 (4,51 ha): 26,14Tr.đ

QLBV rừng trồng tái sinh năm 3 và rừng trồng sản xuất năm 6,7: (178,89 ha): 30,07 Tr.đ

## **II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2026:**

### **1. Dự báo tình hình và xác định các lợi thế, dư địa**

Công ty tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được, thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên; trồng rừng và khai thác gỗ rừng trồng một cách hợp lý, đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

### **2. Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển**

#### *2.1. Mục tiêu tổng quát*

Quản lý, sử dụng rừng và đất rừng bền vững; bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; cải thiện và nâng cao đời sống vật chất cho người lao động; góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn;

Xây dựng Công ty thành trung tâm liên kết sản xuất nông, lâm nghiệp; bảo đảm hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và người dân; không ngừng cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của người trồng rừng và người làm công tác quản lý, phát triển rừng; đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh, quốc phòng tại địa phương và sự nghiệp phát triển chung của đất nước.

#### *2.2. Các nhiệm vụ cụ thể*

- Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng và đất rừng; đảm bảo diện tích bảo vệ rừng tự nhiên, diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng;

- Trồng rừng; chăm sóc, quản lý bảo vệ diện tích rừng trồng sản xuất, không để xảy ra cháy rừng;

- Khai thác gỗ rừng trồng sản xuất hợp lý, đảm bảo có kế thừa, đảm bảo tăng trưởng.

### **3. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh**

Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được của hoạt động sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026. Cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
<b>A</b>	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO VÀ CHO THUÊ</b>	<b>Ha</b>	<b>13.934,55</b>	<b>13.934,55</b>	<b>13.934,55</b>
<b>B</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU VỀ SẢN PHẨM CHỦ YẾU</b>				
I	Cung ứng dịch vụ môi trường rừng	ha	8.194,30	8.189,31	10.511,59
II	Diện tích bảo vệ rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng	ha	8.194,4	8.189,31	8.189,31
III	Khai thác gỗ rừng trồng	m3	0	529,83	8.224,65
<b>C</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH</b>				
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		9.314,70	9.314,70	9.314,70
<b>II</b>	<b>Kế hoạch sản xuất kinh doanh</b>	<b>Trđ</b>			
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>Trđ</b>	<b>5.751,81</b>	<b>3.261,63</b>	<b>12.348,86</b>
-	Doanh thu SXKD và cung ứng DV	Trđ	3.716,81	3.160,0	12.308,86
-	<i>Doanh thu dịch vụ MTR</i>	<i>Trđ</i>	<i>800,17</i>	<i>1.669,04</i>	<i>755,413</i>
-	<i>Doanh thu đặt hàng bảo vệ rừng tự nhiên là rừng sản xuất trong thời gian đóng cửa rừng</i>	<i>Trđ</i>	<i>4.916,64</i>	<i>1.236,65</i>	<i>4.913,59</i>
-	<i>Doanh thu gỗ rừng trồng</i>	<i>Trđ</i>		<i>254,32</i>	<i>6.639,86</i>
-	Doanh thu tài chính (Lãi tiền gửi)	Trđ	35,00	96,03	40,00
-	Thu nhập khác	Trđ	0	5,60	0
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí:</b>	<b>Trđ</b>	<b>5.621,05</b>	<b>3.241,11</b>	<b>12.098,86</b>
	Giá vốn dịch vụ MTR	Trđ	750,80	590,66	1.820,00
	Giá vốn dịch vụ công ích QLBR	Trđ	2.970,25	1.729,06	4.250,00
	Giá vốn gỗ rừng trồng	Trđ	0	148,47	2.625,08
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Trđ	1.900,00	772,92	3.403,78
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Trđ</b>	<b>130,76</b>	<b>20,52</b>	<b>250,00</b>
<b>III</b>	<b>Nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>Trđ</b>	<b>61,90</b>	<b>124,45</b>	<b>474,59</b>
1	Thuế môn bài	Trđ	2,00	2,00	0
2	Thuế GTGT	Trđ	0,00	98,93	393,09
3	Thuế TNDN	Trđ	26,15	3,49	42,50
4	Thuế TNCN	Trđ	0,000	2,39	0,00
5	Tiền thuê đất phải nộp	Trđ	32,57	16,46	37,82
6	Lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN	Trđ	0	0	0
7	Thuế phi NN	Trđ	1,18	1,18	1,18
<b>D</b>	<b>KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG</b>				
1	Người quản lý	người	4	3	4
2	Người lao động	người	17	16	18
<b>E</b>	<b>KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>Trđ</b>	<b>214,44</b>	<b>56,20</b>	<b>4.321,47</b>

<b>I</b>	<b>Đầu tư lâm sinh</b>				
	Kinh phí đầu tư trồng và chăm sóc rừng	<b>Trđ</b>	214,44	56,20	1.963,47
	Trồng rừng	ha	23,47	0	0
	Chăm sóc năm 1 rừng trồng tái sinh chồi	ha			87,69
	Chăm sóc rừng trồng năm 2	ha	4,51	4,51	0
	Chăm sóc rừng trồng năm 3				4,51
	QLBV rừng trồng	ha	178,89	178,89	91,2
<b>II</b>	<b>Đầu tư xây dựng cơ bản</b>	<b>Trđ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.320,00</b>
1	Xây dựng 01 trạm QLBR	Trđ			320,00
2	Xây dựng 01 trụ sở nhà làm việc Công ty	Trđ			2.000,00
<b>III</b>	<b>Đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị</b>	<b>Trđ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>38,00</b>
1	Mua mới 01 bộ máy tính xách tay, máy in	Trđ			38,00

### 3. Đánh giá cụ thể các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 so với thực hiện 2025:

#### 3.1. Tổng diện tích được giao và cho thuê:

- Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao 134.086.503,8 m<sup>2</sup> đất cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa để sử dụng vào mục đích quản lý, bảo vệ rừng tại các xã: Chư Krey, Đăk Pơ Pho, Chơ Glong và xã Yang Nam, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai;

- Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa thuê 5.258.877,0 m<sup>2</sup> đất để sử dụng vào mục đích Trụ sở làm việc và sản xuất, kinh doanh rừng trồng sản xuất tại các xã: Chư Krey, Chơ Glong, An Trung, Yang Nam và thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

Thực hiện Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 05/02/2025 của UBND tỉnh Gia Lai Quyết định phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa.

#### \*Hiện trạng tài nguyên rừng và đất đai:

Tổng diện tích: 13.934,54 ha. Bao gồm:

- Đất rừng sản xuất : 13.824,22 ha; trong đó:
- + Đất có rừng tự nhiên : 8.194,39 ha.
- + Đất có rừng trồng : 222,03 ha.
- + Đất đã trồng rừng nhưng chưa thành rừng (DTR): 279,87 ha.
- + Đất có cây gỗ tái sinh (DT2) : 260,47 ha.
- + Đất chưa có rừng (DT1) : 2.589,21 ha.
- + Đất sản xuất nông nghiệp (NN) : 2.278,01 ha.
- + Trạm bảo vệ rừng (DKH) : 0,24 ha.

- Đất ngoài quy hoạch 3 loại rừng	: 110,32 ha; trong đó:
+ Đất có rừng trồng	: 13,62 ha.
+ Đất đã trồng rừng nhưng chưa thành rừng (DTR):	0,11 ha.
+ Đất có cây gỗ tái sinh (DT2)	: 4,55 ha.
+ Đất chưa có rừng (DT1)	: 10,39 ha.
+ Đất sản xuất nông nghiệp (NN)	: 8,95 ha.
+ Đất sông suối (MN)	: 11,50 ha.
+ Đất khác (DKH)	: 61,20 ha.

### 3.2 Các chỉ tiêu về sản phẩm chủ yếu

a) Diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng: 10.511,59 ha.

*(Theo Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2026).*

b) Diện tích bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng: 8.189,31ha (Theo Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng số 1907/BBTLHĐ-SNNMT ngày 07/9/2025 giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa)

c) Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng: 8.224,65 m<sup>3</sup>

### 3.3 Các chỉ tiêu về tài chính

**Tổng doanh thu: 12.348,86 triệu đồng, tăng 9.087,23 triệu đồng, tương ứng tăng 331,18 % so với thực hiện năm 2025 là do:**

- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ: 12.308,86 triệu đồng, tăng 9.148,86 triệu đồng, tương ứng tăng 289,52 %. Trong đó:

- Doanh thu cung ứng DVMTR là 755,41 triệu đồng, giảm 913,63 triệu đồng tương ứng giảm 54,74 % so với thực hiện năm 2025 (theo Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2026 và số liệu theo diện tích thực tế đơn vị quản lý).

- Doanh thu đặt hàng bảo vệ rừng tự nhiên là rừng sản xuất thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững là 4.913,59 triệu đồng, so với thực hiện năm 2025 tăng 3.676,94 triệu đồng, tương ứng tăng 297,33% so với thực hiện năm 2025.

- Doanh thu bán gỗ rừng trồng: 6.639,86 triệu đồng, tăng so với năm 2025 là: 6.385,55 triệu đồng. Do trong năm đơn vị bán đấu giá gỗ rừng trồng do Bảo số 13 gây ra.

- Doanh thu hoạt động tài chính: 40,00 triệu đồng, giảm 56,03 triệu đồng tương ứng giảm 58,34 % so với thực hiện năm 2025.

- Thu nhập khác: 0 triệu đồng

**3.4. Tổng chi phí: 12.098,86 triệu đồng, tăng 8.857,75 triệu đồng tương ứng tăng 273,29 % so với thực hiện năm 2025 là do:**

- Giá vốn dịch vụ môi trường rừng: 1.820,00 triệu đồng, tăng 1.229,34 triệu đồng, tương ứng tăng 208,13%.

- Giá vốn bảo vệ rừng tự nhiên sản xuất thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững: 4.250,00 triệu đồng, tăng 2.520,94 triệu đồng, tương ứng tăng 145,80 %.

- Giá vốn khai thác gỗ rừng trồng: 2.625,081 triệu đồng, tăng 2.476,609 triệu đồng, tương ứng tăng 1.668,06 % (tăng do diện tích khai thác tăng và rừng trồng Công ty tự đầu tư).

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 3.403,78 triệu đồng, tăng 2.630,859 triệu đồng, tương ứng tăng 340,38 % do doanh thu tăng nên tăng các khoản chi thường xuyên.

**3.5. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp: 250,001 triệu đồng, so với thực hiện năm 2025 tăng 229,480 triệu đồng tương ứng tăng 1.118,22 %.**

**3.6. Tổng số tiền nộp ngân sách: 474,590 triệu đồng, tăng 350,138 triệu đồng, tương ứng tăng 281,34 %.**

### **3.7. Kế hoạch sử dụng lao động**

Số người quản lý và người lao động bình quân là 22 người/năm.

### **3.8. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026: 4.321,466 triệu đồng.**

a) Đầu tư lâm sinh: 1.963,466 triệu đồng

+ Kinh phí chăm sóc và QLBRV rừng kế hoạch năm 2026 dự kiến là: 1.963,466 triệu đồng.

b) Đầu tư xây dựng cơ bản: 2.320,00 triệu đồng

- Xây dựng 01 trạm QLBRV: 320.000 triệu đồng

- Xây dựng 01 trụ sở nhà làm việc Công ty: 2.000,00 triệu đồng

c) Đầu tư mua sắm thiết bị: 38,00 triệu đồng

- Mua sắm 01 bộ máy tính xách tay, máy in: 38,00 triệu đồng

*(Chi tiết tại Phụ lục 03 và 04 kèm theo)*

**3.9. Kế hoạch đầu tư phát triển (dự án nhóm B trở lên): không có.**

### **4. Giải pháp thực hiện kế hoạch:**

- **Giải pháp về tài chính:**

- Đơn vị sử dụng vốn điều lệ để tiến hành chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng trồng và rừng tái sinh chồi các năm.

- Đề nghị UBND tỉnh xem xét phân bổ kinh phí quản lý bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng theo quy định tại điểm b, c khoản 2 điều 12 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách trong lâm nghiệp và Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai thì kinh phí bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng: 600.000 đồng/ha/năm để công ty có nguồn kinh phí chi trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thanh toán các chế độ khác cho người lao động. Trong thời gian chưa được UBND tỉnh cấp kinh phí quản lý bảo vệ rừng tự nhiên, công ty tạm sử dụng vốn điều lệ để thanh toán các chế độ cho người lao động, khi được cấp kinh phí sẽ hoàn trả lại nguồn kinh phí đúng quy định.

**- Giải pháp về sản xuất:**

- Công tác khai thác rừng trồng: Tiến hành xúc tiến đơn vị hợp đồng mua gỗ rừng trồng khai thác đúng tiến độ kịp thời vụ để bàn giao lại hiện trường sau khai thác để công ty triển khai kế hoạch chăm sóc rừng tái sinh kịp thời.

- Công tác chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng trồng, rừng tái sinh chồi: Chủ động hợp đồng với đơn vị thiết kế làm dự toán chăm sóc rừng trồng sau khai thác, tiến hành chuẩn bị vật tư, hợp đồng nhân để chăm sóc diện tích rừng tái sinh kịp thời vụ để cây tái sinh phát triển tốt.

- Quản lý bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên:

+ Tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, thường xuyên phối hợp với dân quân, công an, kiểm lâm địa bàn trong công tác truy quét lâm tặc; phòng QLBV & PTR kiểm tra, đôn đốc các Tổ QLBRV phải trực gác đầy đủ vào ban đêm; hàng ngày thường xuyên đi tuần tra bảo vệ rừng; kịp thời huy động nhân lực đi cứu chữa khi xảy ra cháy rừng;

+ Xây dựng, ký kết quy chế phối hợp giữa Công ty với các đơn vị vùng giáp ranh; giữa UBND xã Chợ Long; UBND xã Chư Krey; xã Kông Chro và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa về công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng. Thường xuyên tuyên truyền, quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác quản lý bảo vệ, PCCCR và phát triển rừng đến với cộng đồng dân cư và người dân sinh sống đan xen trong rừng, ven rừng.

+ Các Tổ Quản lý bảo vệ rừng phải trực gác 24/24 giờ trong ngày. Thường xuyên liên hệ với nhân dân địa phương để nắm bắt tình hình và phát hiện người dân phá rừng trái phép trên địa bàn để ngăn chặn kịp thời;

+ Thực hiện tốt việc tuyên truyền PCCCR trong mùa khô: Vào mùa khô các Tổ QLБVR phải đi tuyên truyền một số làng thuộc xã Chư Kêy, xã Chơ Long. Hàng tháng cán bộ địa bàn phải tham gia họp với các làng, các xã ở địa bàn mình phụ trách để nắm bắt tình hình công tác của địa phương, các vấn đề địa phương phản ánh với Công ty; phát hiện người dân phá rừng, khai thác lâm sản trái phép để phối hợp với chính quyền sở tại, với lực lượng Kiểm lâm xã và các ngành chức năng khác truy bắt, ngăn chặn kịp thời; Thực hiện thi công đúng các hạng mục PCCCR.

**- Giải pháp về nguồn nhân lực, quản lý, điều hành:**

Tăng cường công tác quản lý, điều hành công ty, phân công cụ thể nhiệm vụ tới các phòng, các Tổ QLБVR và từng người lao động; yêu cầu phải sâu sát hơn trong các công tác thực hiện nhiệm vụ được giao.

**III. Đề xuất, kiến nghị:**

Đề nghị UBND tỉnh giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng đặt hàng dịch vụ công ích (bảo vệ rừng tự nhiên) cho đơn vị theo diện tích tại Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao 134.086.503,8 m<sup>2</sup> đất cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa để sử dụng vào mục đích quản lý, bảo vệ rừng tại các xã: xã Chư Krey, Đăk Pơ Pho, Chơ Glong và xã Yang Nam, huyện Kông Chro với diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên 8.189,31 ha.

Trên đây là Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2026, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa. Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính tỉnh Gia Lai xem xét thẩm định để Công ty có cơ sở phê duyệt và thực hiện./.

**CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



*Nguyễn Minh Sự*